

**BIÊN BẢN**

**Về việc công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập**

Hôm nay, vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 31/12/2021 tại Văn phòng trường Mầm non Dương Hà

**I. THÀNH PHẦN**

- Bà Nguyễn Thị Ngát – Hiệu trưởng nhà trường
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo – Phó hiệu trưởng, chủ tịch CĐ
- Bà Nguyễn Thị Thoa – Phó hiệu trưởng
- Bà Nguyễn Thị Phương Liên – Trưởng ban TTND, ủy viên BCH CĐ
- Bà Nguyễn Thị An – Tổ trưởng tổ văn phòng, ủy viên BCH CĐ

**II. NỘI DUNG**

Thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, trường Mầm non Dương Hà thực hiện việc công khai Bản kê khai tài sản thu nhập với nội dung chính sau:

1. Số lượng bản kê khai được công khai gồm : 03 bản; đạt tỷ lệ 100% so với tổng số bản kê khai (có danh sách Bản kê khai của người có nghĩa vụ kê khai kèm theo).

2. Thời gian niêm yết công khai : 15 ngày (từ ngày 31/12/2021 đến ngày 15/01/2022).

3. Vị trí niêm yết công khai: Tại Bảng công khai của trường Mầm non Dương Hà.

Các đơn vị, cá nhân có ý kiến phản ánh, thắc mắc về nội dung bản kê khai thì liên hệ với đồng chí Nguyễn thị Ngát- Hiệu trưởng để được xem xét, giải quyết theo quy định.

Biên bản lập xong hồi 08 giờ 30 phút cùng ngày, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe và nhất trí ký tên.

Người lập biên bản

Nguyễn Thị An



Nguyễn Thị Ngát



Nguyễn Thị Thanh Thảo

TRƯỜNG MÀM NON DƯƠNG HÀ



DANH SÁCH

BAN KẾ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP CÔNG KHAI

| STT | Họ và tên người kê khai tài sản, thu nhập | Chức danh/chức vụ | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------|-------------------|---------|
| 1   | Nguyễn Thị Ngát                           | Hiệu trưởng       |         |
| 2   | Nguyễn Thị Thanh Thảo                     | Phó hiệu trưởng   |         |
| 3   | Nguyễn Thị Thoa                           | Phó hiệu trưởng   |         |

*Danh sách có 03 người*

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP**  
(Ngày 15 tháng 12 năm 2021)

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ NGÁT. Ngày tháng năm sinh: 10/01/1982
- Chức vụ/chức danh công tác: Hiệu trưởng
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường mầm non Dương Hà
- Nơi thường trú: Thôn Phù Dực 2, xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm, Hà Nội
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân<sup>(3)</sup>: 001182012063, ngày cấp: 25/4/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Nguyễn Văn Phúc. Ngày tháng năm sinh: 06/11/1982
- Nghề nghiệp: Công nhân
- Nơi làm việc<sup>(4)</sup>: Công ty công nghệ Hùng Cường
- Nơi thường trú: Thôn Phù Dực 2, xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm, Hà Nội
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 001082042148, ngày cấp: 29/4/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Nguyễn Quang Huy. Ngày tháng năm sinh: 22/7/2005
- Nơi thường trú: Thôn Phù Dực 2, xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm, Hà Nội
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 001205007064, ngày cấp: 06/12/2019, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

3.2. Con thứ hai:

- Họ và tên: Nguyễn Trung Kiên. Ngày tháng năm sinh: 02/11/2011
- Nơi thường trú: Thôn Phù Dực 2, xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm, Hà Nội

**II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN<sup>(5)</sup>**

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất<sup>(6)</sup>:

1.1. Đất ở<sup>(7)</sup>:

1.1.1. Thừa thừa:

- Địa chỉ<sup>(8)</sup>: Xóm Từa, Thôn Phù Dực, xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm, Hà Nội
- Diện tích<sup>(9)</sup>: 245 m<sup>2</sup>
- Giá trị<sup>(10)</sup>: Không xác định giá trị
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng<sup>(11)</sup>: số 00383 cấp ngày 12/8/2003
- Thông tin khác (nếu có)<sup>(12)</sup>: Người đứng tên: Nguyễn Văn Thành (Bố chồng)

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác<sup>(13)</sup>:

1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:

.....

- Diện tích:

.....

- Giá trị<sup>(10)</sup>:

.....

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:

.....

- Thông tin khác (nếu có):

.....

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

.....

- Địa chỉ: ThônPhùDực 2, xãPhùĐổng, huyệnGiaLâm, HàNội

- Loại nhà<sup>(14)</sup>: nhà ở riêng lẻ

- Diện tích sử dụng<sup>(15)</sup>: 100m<sup>2</sup>

- Giá trị<sup>(10)</sup>: Không xác định được giá trị

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

.....

- Thông tin khác (nếu có): Ở với mẹ chồng

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác<sup>(16)</sup>:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:

.....

- Loại công trình:..... Cấp công trình:

.....

- Diện tích:

.....

- Giá trị<sup>(10)</sup>:

.....

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

.....

- Thông tin khác (nếu có):

.....

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất<sup>(17)</sup>: không

3.1. Cây lâu năm<sup>(18)</sup>:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>:  
.....

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>:  
.....

3.2. Rừng sản xuất<sup>(19)</sup>:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị<sup>(10)</sup>:  
.....

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị<sup>(10)</sup>:  
.....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>:  
.....

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>:  
.....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(20)</sup>: không

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(21)</sup>: không

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): không

6.1. Cổ phiếu: không

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:  
.....

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:  
.....

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:  
.....

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:  
.....

6.3. Vốn góp<sup>(22)</sup>:

- Hình thức góp vốn:..... Giá  
trị:.....

- Hình thức góp vốn:.....  
Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác<sup>(23)</sup>:

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá



trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:.....

Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: không

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)<sup>(24)</sup>:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

.....

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

.....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)<sup>(25)</sup>:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

.....

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

.....

8. Tài sản ở nước ngoài<sup>(26)</sup>: không

9. Tài khoản ở nước ngoài<sup>(27)</sup>: không

- Tên chủ tài khoản: ....., số tài khoản:

.....

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

.....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(28)</sup>:

- Tổng thu nhập của người kê khai: 104 triệu

- Tổng thu nhập của chồng: 240 triệu

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: ..... không.....

- Tổng các khoản thu nhập chung: ..... không.....

**III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM <sup>(29)</sup>(nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):**

| Loại tài sản, thu nhập               | Tăng <sup>(30)</sup> /giảm <sup>(31)</sup> |                           | Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập |
|--------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------|----------------------------------------------------------------------|
|                                      | Số lượng tài sản                           | Giá trị tài sản, thu nhập |                                                                      |
| 1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất | Không                                      |                           |                                                                      |
| 1.1. Đất ở                           |                                            |                           |                                                                      |
| 1.2. Các loại đất khác               |                                            |                           |                                                                      |
| 2. Nhà ở, công trình xây dựng        | Không                                      |                           |                                                                      |
| 2.1. Nhà ở                           |                                            |                           |                                                                      |
| 2.2. Công trình xây dựng khác        |                                            |                           |                                                                      |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |       |               |                                                      |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|---------------|------------------------------------------------------|
| 3. Tài sản khác gắn liền với đất<br>3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất<br>3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất                                                                                                                                                                                                                   | Không |               |                                                      |
| 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên                                                                                                                                                                                                                       | Không |               |                                                      |
| 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.                                                                                                                        | Không |               |                                                      |
| 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):<br>6.1. Cổ phiếu<br>6.2. Trái phiếu<br>6.3. Vốn góp<br>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác                                                                                                      | Không |               |                                                      |
| 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:<br>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)<br>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). | Không |               |                                                      |
| 8. Tài sản ở nước ngoài.                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Không |               |                                                      |
| 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai <sup>(32)</sup> .                                                                                                                                                                                                                                                                      |       | Giảm 20 triệu | Do học sinh không đến trường (không có lương BT, T7) |

..... ngày.....tháng.....năm....  
**NGƯỜI NHẬN BÀN KÊ KHAI**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)*

Dương Hà, ngày 15 tháng 12 năm 2021  
**NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN**

  
**Nguyễn Thị Ngát**

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP  
( Ngày 15 tháng 12 năm 2021)**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ THANH THẢO.
- Ngày tháng năm sinh: 15/05/1986
- Chức vụ/chức danh công tác: P.Hiệu trưởng
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Mầm Non Dương Hà
- Nơi thường trú: Thôn 3, Xã Đình Xuyên, Huyện Gia lâm, Hà Nội.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân<sup>(3)</sup>: 001178018837 ngày cấp 6/11/2018; nơi cấp: Cục CSQLHCVTTXH

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: NGUYỄN HỮU ĐẠT. Ngày tháng năm sinh: 1982
- Nghề nghiệp: kỹ sư xây dựng
- Nơi làm việc<sup>(4)</sup>: Hà Nội
- Nơi thường trú: Thôn 3, Xã Đình Xuyên, Huyện Gia lâm, Hà Nội
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 001082006343 ngày cấp 06/02/2015 nơi cấp : CụcTCCSĐKQLCTVDLQGVD

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ VÂN GIANG . Ngày tháng năm sinh: 27/10/2012

- Nơi thường trú: Thôn 3, Xã Đình Xuyên, Huyện Gia lâm, Hà Nội.

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

- Họ và tên: NGUYỄN HỮU PHÚ. Ngày tháng năm sinh: 25/11/2018

- Nơi thường trú: Thôn 3, Xã Đình Xuyên, Huyện Gia lâm, Hà Nội.

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:.....

ngày cấp : ..... nơi cấp: .....

## II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN<sup>(5)</sup>

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất<sup>(6)</sup>:

1.1. Đất ở<sup>(7)</sup>:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ<sup>(8)</sup>: Thôn 3, Xã Đình Xuyên, Huyện Gia lâm, Hà Nội

- Diện tích<sup>(9)</sup>: 93 m<sup>2</sup>

- Giá trị<sup>(10)</sup>: Không xác định giá trị

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng<sup>(11)</sup>: số 345834 cấp ngày 3/6/2003

- Thông tin khác (nếu có)<sup>(12)</sup>: Người đứng tên: Nguyễn Hữu Tuấn

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác<sup>(13)</sup>:

1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ: .....

- Diện tích: .....

- Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: .....

- Thông tin khác (nếu có): .....

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất: .....

- Địa chỉ: Thôn 3- Đình Xuyên- Gia Lâm- Hà Nội.

- Loại nhà<sup>(14)</sup>: Nhà ở riêng lẻ, công trình cấp 4

- Diện tích sử dụng<sup>(15)</sup>: 47 m<sup>2</sup>

- Giá trị<sup>(10)</sup>: Không xác định giá trị

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....

- Thông tin khác (nếu có): .....

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác<sup>(16)</sup>:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ: .....

- Loại công trình:..... Cấp công trình: .....

- Diện tích: .....
- Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất<sup>(17)</sup>: Không

3.1. Cây lâu năm<sup>(18)</sup>:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

3.2. Rừng sản xuất<sup>(19)</sup>:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(20)</sup>: Không

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(21)</sup>: Không

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.3. Vốn góp<sup>(22)</sup>:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....
- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác<sup>(23)</sup>:

- Tên giấy tờ có giá: ..... Giá trị:.....
- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

*afh*

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:  
Không

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)<sup>(24)</sup>:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)<sup>(25)</sup>:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

8. Tài sản ở nước ngoài<sup>(26)</sup>. Không

9. Tài khoản ở nước ngoài<sup>(27)</sup>: Không

- Tên chủ tài khoản: ....., số tài khoản: .....

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: .....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(28)</sup>:

- Tổng thu nhập của người kê khai: 94.000.000

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 120.000.000

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: .....

- Tổng các khoản thu nhập chung: .....

**III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM : Không**

| Loại tài sản, thu nhập               | Tăng <sup>(30)</sup> /giảm <sup>(31)</sup> |                           | Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập |
|--------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------|----------------------------------------------------------------------|
|                                      | Số lượng tài sản                           | Giá trị tài sản, thu nhập |                                                                      |
| 1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất | Không                                      |                           |                                                                      |
| 1.1. Đất ở                           |                                            |                           |                                                                      |
| 1.2. Các loại đất khác               | Không                                      |                           |                                                                      |
| 2. Nhà ở, công trình xây dựng        |                                            |                           |                                                                      |
| 2.1. Nhà ở                           |                                            |                           |                                                                      |
| 2.2. Công trình xây dựng khác        |                                            |                           |                                                                      |
| 3. Tài sản khác gắn liền với đất     | Không                                      |                           |                                                                      |
| 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất      |                                            |                           |                                                                      |
| 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất  |                                            |                           |                                                                      |

|                                                                                                                                                                                                       |       |  |  |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|--|--|
| 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên                                                                                                | Không |  |  |
| 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. | Không |  |  |
| 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):                                                                        | Không |  |  |
| 6.1. Cổ phiếu                                                                                                                                                                                         |       |  |  |
| 6.2. Trái phiếu                                                                                                                                                                                       |       |  |  |
| 6.3. Vốn góp                                                                                                                                                                                          |       |  |  |
| 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác                                                                                                                                                                     |       |  |  |
| 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:                                                                                                                                                  | Không |  |  |
| 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).                                      |       |  |  |
| 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).                                                                                                     |       |  |  |
| 8. Tài sản ở nước ngoài.                                                                                                                                                                              | Không |  |  |
| 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai <sup>(32)</sup> .                                                                                                                                               |       |  |  |

..... ngày....tháng....năm....  
**NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI**  
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Dương Hà, ngày 15 tháng 12 năm 2021  
**NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)



**Nguyễn Thị Thanh Thảo**

**TRƯỜNG MẦM NON CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**DƯƠNG HÀ** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN ĐẦU<sup>(1)</sup>**  
**(Ngày 15 tháng 12 năm 2021)<sup>(2)</sup>**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ THOA
- Ngày tháng năm sinh: 24/03/1980
- Chức vụ/chức danh công tác: - Phó hiệu trưởng
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường mầm non Dương Hà
- Nơi thường trú: Xã Trung mầu, huyện Gia Lâm, thành phố Hà nội
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân<sup>(3)</sup>: 001180006762 ngày cấp 23/06/2015 nơi cấp Hà nội

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Vũ Quang Giang
- Ngày tháng năm sinh: 04/11/1977
- Nghề nghiệp: Công nhân
- Nơi làm việc<sup>(4)</sup>: Ga Yên Viên
- Nơi thường trú: Xã Trung mầu, huyện Gia Lâm, thành phố Hà nội
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 001077017793 ngày cấp: 08/12/2017 nơi cấp: Hà nội

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Vũ Quang Trường
- Ngày tháng năm sinh: 12/01/2002
- Nơi thường trú: Xã Trung mầu, huyện Gia Lâm, thành phố Hà nội
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 001202006129 ngày cấp: 27/12/2016 nơi cấp Hà nội

3.2. Con thứ hai: Vũ Nguyễn Hà Phương.

- Ngày tháng năm sinh: 06/08/2008
- Nơi thường trú: Xã Trung mầu, huyện Gia Lâm, thành phố Hà nội

**II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN<sup>(5)</sup>**

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất<sup>(6)</sup>:

1.1. Đất

ở<sup>(7)</sup>:.....

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ<sup>(8)</sup>: Tổ dân phố Dốc Lã- Xã Yên Thường – Huyện Gia Lâm – Thành phố Hà nội

- Diện tích<sup>(9)</sup>: 40m2

- Giá trị<sup>(10)</sup>: Không xác định

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng<sup>(11)</sup>: .....

- Thông tin khác (nếu có)<sup>(12)</sup>: .....

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác<sup>(13)</sup>:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ: .....

- Diện tích: .....

- Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: .....

- Thông tin khác (nếu có): .....

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Tổ dân phố Dốc Lã, Xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà nội

- Loại nhà<sup>(14)</sup>: căn hộ số 5 nhà tập thể

- Diện tích sử dụng<sup>(15)</sup>: 40m2

- Giá trị<sup>(10)</sup>: Không xác định được giá trị

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: chưa có

- Thông tin khác (nếu có): Không

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác<sup>(16)</sup>:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ: .....

- Loại công trình:..... Cấp công trình: .....

- Diện tích: .....

- Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....

- Thông tin khác (nếu có): .....

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

✓

3. Tài sản khác gắn liền với đất<sup>(17)</sup>: Không

3.1. Cây lâu năm<sup>(18)</sup>:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

3.2. Rừng sản xuất<sup>(19)</sup>:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: ....

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: ....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>:.....

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(20)</sup>: Không

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(21)</sup>: Không

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:.....

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.3. Vốn góp<sup>(22)</sup>:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác<sup>(23)</sup>:

- Tên giấy tờ có giá: ..... Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: Không

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)<sup>(24)</sup>:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)<sup>(25)</sup>:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: ....

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

8. Tài sản ở nước ngoài<sup>(26)</sup>: Không

9. Tài khoản ở nước ngoài<sup>(27)</sup>: Không

- Tên chủ tài khoản: ....., số tài khoản: .....

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: .....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(28)</sup>:

- Tổng thu nhập của người kê khai: 110.424.000

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 68.000.000

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: .....

- Tổng các khoản thu nhập chung: .....

**III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM<sup>(29)</sup> (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này): .....**

| Loại tài sản, thu nhập                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Tăng <sup>(30)</sup> /giảm <sup>(31)</sup> |                           | Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------|----------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Số lượng tài sản                           | Giá trị tài sản, thu nhập |                                                                      |
| 1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất<br>1.1. Đất ở<br>1.2. Các loại đất khác<br>2. Nhà ở, công trình xây dựng<br>2.1. Nhà ở<br>2.2. Công trình xây dựng khác<br>3. Tài sản khác gắn liền với đất<br>3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất<br>3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất<br>4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên<br>5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.<br>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị |                                            |                           |                                                                      |

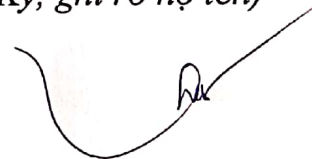
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |  |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|
| <p>từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(32)</sup>.</p> |  |  |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|

..... ngày....tháng....năm....

**NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Dương Hà, ngày 15 tháng 12 năm 2021

**NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



**Nguyễn Thị Thoa**

